

Một Chôn Đồi Quê

Phan Văn An

Tôi sinh ra ở một vùng quê nhỏ bé và nghèo nàn thuộc miền cực Nam của tỉnh Hà Tĩnh, giáp biên giới với nước Lào. Quê tôi được bao bọc bởi một dãy núi mà người dân ở đó đặt tên là núi “Nương Mua” và một dãy núi khác gọi là “Núi Chó Hùm”. Một phía khác có con sông Ngàn Phố chảy qua. Vì ảnh hưởng của sông núi như thế nên dân làng hay bị những cơn bão hoặc lụt làm thiệt hại hoa màu và súc vật. Quê tôi được chia làm ba khu xóm gọi là: xóm Bãi ở cạnh bờ sông Ngàn Phố, xóm Hà là trung tâm của làng và cuối cùng là xóm Trại gần sát với dãy núi “Nương Mua”. Đa số dân làng sống nghề trồng lúa, khoai, ngô và trồng cây ăn quả. Cũng có một ít gia đình sống nghề chăn nuôi như hươu, gà vịt hoặc nuôi tằm. Nói chung đời sống người dân ở đây không có tương lai, không bảo đảm cho cuộc sống ấm no, đầy đủ. Dân làng không đông đúc. Người Công giáo và lương dân ở lẫn lộn với nhau nhưng đa số người công giáo sống ở xóm Bãi. Gia đình cha mẹ tôi cư ngụ ở xóm Bãi. Số gia đình Công giáo rất khiêm nhường với khoảng 35 gia đình và trên dưới 200 tín hữu, đó là thống kê khi gia đình tôi rời bỏ quê hương vào năm 1955. Nhưng vì vấn đề mục vụ khó khăn nên giáo phận cho thành lập một giáo họ gọi là họ Trang Mỹ, thuộc xứ Kẻ Mui, giáo hạt Nghĩa Yên, địa phận Vinh, nay thuộc giáo hạt Ngàn Phố, địa phận Hà Tĩnh. Họ đạo Trang Mỹ cũng có một ngôi thánh đường nhỏ để giáo dân tham gia những giờ cầu nguyện và linh mục chính xứ mỗi năm một lần đến làm tuần Đại phúc cho giáo dân. Ngôi thánh đường đã được tu sửa nhiều lần trông rất khang trang và đẹp đẽ, xứng đáng là nơi họp mặt cho con cái Chúa. Còn về hành chánh thì chỗ gia đình tôi sinh sống gọi là xã Phúc Dương, huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh. Chính trong mảnh đất nhỏ bé này, khi chiến tranh Việt Pháp đang thời kỳ sôi động ở Điện Biên Phủ, máy bay Pháp oanh kích và anh em chúng tôi đã suýt mất mạng vì đám cháy ngay chỗ anh em chúng tôi trú ẩn. Quê hương tuy

nhỏ bé và nghèo nàn, nhưng tuổi thiếu niên của tôi (từ 1 tuổi đến 11 tuổi) đã gắn bó với nơi chôn nhau cắt rốn này, nên mặc dầu những kỷ niệm thời thơ ấu có nhạt nhòa nhưng vẫn luôn hiện hữu trong tâm can tôi, cho dù có sống ở những vùng giàu có, phồn hoa, phú quý. Tuổi thiếu niên của tôi ở đây thường có hai bốn phận được cha mẹ giao phó đó là chăn bò và ra ruộng đồng cắt cỏ đưa về nhà cho bò ăn đêm hoặc sau khi bò hoàn tất công việc cày bừa. Ở quê nhà tôi chưa được cấp sách đến trường vì nhiều lý do, chỉ người chú út trong gia đình dạy tôi tập đọc, tập viết. Thú giải trí của chúng tôi ở quê hương rất đơn giản. Những buổi trưa hè nóng bức, chúng tôi rủ nhau ra sông Ngàn Phố bên cạnh làng tắm mát, bơi lội, đùa giỡn. Còn những buổi chiều hoặc đêm trăng cũng cùng bọn trẻ trong làng rủ nhau kiếm vật dụng rủ nhau ra sông kéo cá hoặc tìm hến trên bãi cát, hoặc những trò chơi hoàn toàn của địa phương.

Chiến tranh kết thúc, Hiệp định Geneve được ký kết. Vì tuổi còn nhỏ hơn nữa chưa biết gì về nghiên cứu, tìm hiểu, nên tôi không biết rõ nội dung của bản Hiệp định, chỉ nghe nói trong Hiệp định có điều khoản cho dân chúng ở hai miền Nam Bắc được quyền thay đổi nơi cư trú nếu có đơn xin và được chính quyền cho phép. Nhận được tin đó, hầu hết các gia đình Công giáo trong họ đạo tôi sống đều làm đơn xin thay đổi nơi cư trú, nghĩa là xin vào sống ở Miền nam. Tuy nhiên không phải ai làm đơn cũng được chấp nhận. Cụ thể trong họ hàng của tôi, từ gia đình ông bà nội, gia đình bác, gia đình chú cũng như gia đình ông bà ngoại, gia đình cậu mợ đều làm đơn nhưng kết quả chỉ có gia đình tôi, gia đình chú, gia đình cậu mợ và ông ngoại được chấp nhận, chính quyền không cho bà ngoại đi theo gia đình mà không được giải thích lý do.

Đây là lần thứ nhất tôi xa quê. Mặc dầu có đơn xin và được cho phép, nhưng sự ra đi cũng trong bí mật và hồi hộp. Đêm hôm đó vào khoảng 2 giờ sáng, ngày lễ Đức Chúa Thánh Thần Hiện Xuống năm 1955, khi cả gia đình đang say ngủ, thì

có tiếng gõ cửa. Cha tôi bừng tỉnh mở cửa. Hai anh công an nói lớn:

- Gia đình Ông P.X

Cha tôi sợ hãi trả lời:

- Phải.

Công an tiếp tục:

- Theo đơn xin và chính quyền cho phép, gia đình ông được phép đổi vùng làm ăn.

Ngay từ bây giờ, gia đình ông phải tập trung tại trụ sở xã Phúc Dương để làm thủ tục, không được chào hỏi và từ giã ai cả. Thế là gia đình tôi phải tuân lệnh đi theo chỉ mang theo vài áo quần dự phòng, không từ giã ai và cũng không biết có ai đi theo mình. Mãi khi tới trụ sở xã mới biết có gia đình chú, gia đình cậu, ông ngoại và mấy gia đình khác trong họ đạo có mặt ở đó. Sau một vài giờ đồng hồ làm hồ sơ, thủ tục, tất cả mọi người có tên trong danh sách được hai anh công an chờ sẵn dẫn chúng tôi đến bến đò rất quen thuộc mà trước đây hàng tuần chúng tôi đã sử dụng phương tiện ở đó để đi tham dự thánh lễ Chúa Nhật tại giáo xứ Kê Mui. Chờ ở địa điểm này không lâu, khoảng 5 giờ sáng thì có hai chiếc thuyền ván nhỏ xuất hiện và đậu lại chỗ chúng tôi đang chờ đợi, trên thuyền đã có mấy gia đình từ xã khác cùng được đi Nam như chúng tôi. Tất cả chúng tôi được lệnh lên thuyền. Sau khi ổn định xong, hai chiếc thuyền tiếp tục theo dòng nước trôi đi, đưa chúng tôi đến nơi nào không xác định.

Không biết bao nhiêu ngày ở trên thuyền và trên sông. Vào một buổi chiều, khi mặt trời đã khuất núi, hai chiếc thuyền ghé bến vào thị xã Thạch Hà. Tất cả mọi người được lệnh xuống khỏi thuyền. Chắc chắn đã có sự sắp xếp và chuẩn bị trước, vì vậy khi xuống khỏi thuyền, chúng tôi được phân tán nhỏ và gửi đến các gia đình địa phương để tạm trú. Có lẽ chúng tôi ở đây khoảng 3 ngày, được các gia đình nuôi ăn. Thực phẩm là ngô, bắp và khoai. Ngoài giờ nghỉ, ăn uống, còn lại chúng tôi phải tập trung nghe gia trưởng hoặc cán bộ địa phương hướng dẫn học tập, tuyên truyền. Hầu hết chủ đề là ca tụng Hồ Chí Minh và đảng

cộng sản và đá đảo Ngô Đình Diệm và chính thể Miền Nam. Trong thời gian này, gia đình chúng tôi không biết chú mợ, ông ngoại, cậu mợ và các em ở đâu cả, mất liên lạc hoàn toàn. Trong thời gian học tập và tuyên truyền ở đây, nếu cá nhân hay gia đình nào thay đổi ý định, muốn trở lại quê cũ thì được chính quyền sẵn sàng, vui vẻ đưa trở lại quê hương cách dễ dàng. Chính tại đây, ông ngoại tôi, gia đình cậu mợ và các em đã quay trở về quê hương, không tiếp tục vào Nam với chúng tôi. Lý do chính là vì bà ngoại già yếu, không được đi với gia đình, nên ông ngoại cũng như cậu mợ không yên lòng để bà ở lại một mình.

Sau một thời gian ngắn ở đây, chúng tôi lại được di chuyển vào Đồng Hới. Kế hoạch của chính quyền ở đây cũng giống như trước đây ở Thạch Hà. Chúng tôi cũng được chia ra từng nhóm nhỏ và gửi vào các gia đình địa phương để bị học tập và tuyên truyền với mục đích là ca tụng Hồ Chí Minh cũng như đảng cộng sản, đồng thời đả kích và chê bai Ngô Đình Diệm và chế độ ở Miền Nam. Điều mới lạ ở miền đất nghèo nàn, khô cằn này đối với tôi là ngôn ngữ và cách ăn mặc. Lần đầu tiên tôi nghe dân làng ở đây dùng tiếng “Mệ” thay cho tiếng “Bà”. Các “Mệ” già lại vận áo dài và vẫn ngang lưng khi họ ra ruộng, rẫy thu hoạch hoa màu như khoai, ngô, trái cây.

Ở đây không lâu, thì một buổi tối, chúng tôi được đưa tới đầu cầu Hiền Lương (Cầu Bến Hải) thuộc vùng kiểm soát của chính quyền Miền Bắc, để hoàn tất mọi thủ tục chuyển giao. Mọi thủ tục hoàn tất, phía bên kia cầu có mấy chiếc xe lớn tiến tới, ngừng lại giữa ranh giới, chúng tôi được điểm danh và lần lượt lên xe. Xong, mấy chiếc xe bắt đầu chuyển bánh. Thế là hết, chúng tôi thực sự từ biệt quê hương thân yêu, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi có mồ mã của tổ tiên, ông bà để sống ở vùng trời xa lạ nơi đất khách quê người. Vì đâu nên nỗi thế này. Câu hỏi để mỗi người tự trả lời.

Chiếc xe ra khỏi cầu, lăn bánh chậm chạp như muốn kéo dài thời gian cho những người tha hương có thời gian nhìn lại những gì dấu yêu, thân thương. Chiếc xe đang lăn bánh, mọi người trên xe đang yên lặng có vẻ suy nghĩ thì bỗng có tiếng vang “Đã đảo Ngô Đình Diệm”. Mọi người như tỉnh thức và la lên inh ỏi “Im đi, sao vậy?” Người đàn ông ấy trả lời cách ngắn gọn “À quên: Đã đảo Hồ Chí Minh, Hoan hô Ngô Đình Diệm”. Sau một thời gian ngắn, tuy có chậm chạp, nhưng cũng đã đến đích. Đến vùng đất Quảng Trị, địa đầu giới tuyến, miền đất của miền nam, chúng tôi được ban tiếp cư hướng dẫn vào một ngôi nhà tiền chế, có chỗ ngủ nghỉ, được cung cấp bữa ăn đầu tiên ở miền đất tự do. Bữa ăn rỗng cơm trắng, không trộn bắp, khoai như những năm trước đây ở quê nhà. Sau bữa ăn, mỗi người có giấc ngủ an lành, vì sau một thời gian dài di chuyển mệt mỏi, thiếu ăn, thiếu ngủ.

Ở đây không lâu, khoảng một tuần lễ, chúng tôi không dám đi đâu xa, vì chưa quen hơn nữa không có phương tiện, chỉ quanh quẩn chung quanh chỗ tạm trú. Có lần chúng tôi đi tìm La Vang, chỗ Đức Mẹ hiện ra thì được người địa phương chỉ dẫn và chúng tôi đã đến, nhưng không có ý niệm mấy vì tất cả đều hoang sơ, chưa có gì mới lạ. Tuy đến Quảng Trị là tỉnh địa đầu giới tuyến, nhưng vì đất khách quê người hơn nữa thời gian quá ngắn ngủi, nên không biết gì về Quảng Trị, may mắn chỉ biết đôi chút về linh địa La Vang, nơi mà Đức Mẹ đã hiện ra trước đây để phù hộ che chở con cái trong thời gian đạo Chúa bị bách hại. Ở đây không lâu, chắc khoảng một tuần, chúng tôi được lệnh di chuyển vào Huế.

Vào Huế, chúng tôi được sắp xếp vào những ngôi nhà tiền chế ở bên bờ Sông Hương. Tới đây, chúng tôi không được cung cấp thực phẩm hàng ngày, trái lại được phát tiền theo tiêu chuẩn, mua sắm thực phẩm và tự nấu ăn lấy cho gia đình của mình. Hàng ngày qua chợ Đông Ba mua sắm và trở về địa điểm trở tài nấu nướng theo khẩu vị của gia đình. Thời gian ở đây khá lâu, có lẽ trên hai tháng,

có lẽ để các vị hữu trách tìm địa điểm tái định cư. Đa số trong đoàn chúng tôi sống về nghề nông, nên không thể đưa về thành phố được mà phải tìm vùng thích hợp. Sông Hương cảnh thơ mộng, nhưng nay lại trở thành nơi không được hài lòng, có lẽ vì đã từng tiếp nhận nhiều đoàn người đã đến và đi trước chúng tôi. Ngày ngày chỉ quanh quẩn chung quanh ngôi nhà đang sinh sống và ngắm cảnh lúc bình minh và hoàng hôn phủ xuống. Ngày Chúa Nhật rủ nhau đi bộ đến xem lễ ở nhà thờ Phú Cam.

Sau thời gian dài ở Huế, đoàn chúng tôi được di chuyển vào Đà Nẵng tạm trú một tuần trong các trại lính bỏ trống. Ở đây cũng phải tự động lo về vấn đề ăn uống. Thời gian ngắn ngủi, nên không đi đâu và không biết gì về thành phố Đà Nẵng. Một tuần lễ trôi qua, toàn thể chúng tôi được di chuyển vào Nha Trang bằng đường thủy. Nha Trang không phải là nơi ở lại mà là chỗ dừng chân. Đúng vậy, khi con tàu thủy vừa cập bến thì chúng tôi được hướng dẫn đến nhà ga xe lửa Nha Trang để lên tàu đi về nơi định cư đã được các nhà hữu trách sắp xếp trước. Phải, chuyến xe lửa chở chúng tôi đến ga xe lửa Mương Mán vào một buổi chiều, cách làng định cư trên hơn một Km. Chúng tôi được hướng dẫn và đây là nơi cuối cùng trên bước đường di cư, chúng tôi sẽ phải chọn nơi này làm quê hương thứ hai sau khi rời bỏ quê hương đầu tiên ở miền Bắc, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi có mồ mả của ông bà, tổ tiên, nơi có biết bao người ruột thịt thân thương, bao bạn bè quý mến, bao kỷ niệm của tuổi thơ...

Ở đây đã có một số gia đình đến trước, đa số là người Thọ Ninh, Nghĩa Yên, Đức Thọ, Đông Tràng... Họ đã có ngôi nhà tranh vách lá để che mưa nắng. Chúng tôi được ban tiếp cư chuẩn bị cho những tấm lều bạt lớn để che mưa nắng cho đến lúc có túp lều tranh như họ. Họ là những người thuộc xóm Đông và xóm Tây, xóm Nam. Chúng tôi đa số thuộc xứ Kế Mui, sẽ được cư ngụ ở xóm Nam, bên kia bờ sông. Không nhớ rõ, nhưng nghe nói khi mới thành lập trại định cư thì gọi là xã Thọ

Ninh, sau này là thôn Văn Phong, thuộc xã Mường Mán, cuối cùng mới là xã Văn Phong và có ba ấp là Ấp Đông, Ấp Tây và Ấp Nam. Còn về giáo dục những năm đầu mới khai giảng thì gọi là trường tiểu học Thọ Ninh, sau này đổi tên là trường tiểu học Đâu Quang Lĩnh. Về tôn giáo giáo xứ cũng có tên là Giáo xứ Thọ Ninh với bốn mạng là thánh Giuse. Mãi sau 1975, hầu như thời Linh Mục Vũ Đình Hiên làm quản xứ mới đổi thành giáo xứ Thọ Tràng (Thọ Ninh và Đông Tràng). Khi thành lập trại cha Giuse Hoàng Phương là cha chánh xứ, có cha già Phúc hựu trí phụ giúp. Thời gian sau vì có con sông ngăn cách, trở ngại cho giáo dân ở xóm Nam tham gia phụng vụ khi mưa to, gió lớn, vì vậy bề trên giáo phận đã phái cha Đạt về giúp giáo dân xóm Nam, nhưng một thời gian ngắn ngài cũng từ giã con chiên. Thời cha Đạt, giáo họ Anton bây giờ chưa có nhà thờ, nhưng có một lều bạt to được dựng lên tại ngôi nhà của ông Thông (Bể) và nhà ông Em bây giờ, sau này mới có nhà thờ ở địa điểm bây giờ.

Khi khai giảng, trường tiểu học Thọ Ninh chỉ có lớp Nhì (theo cách gọi lúc đó) do thầy Vương Đình Thông phụ trách. Cá nhân tôi bắt đầu vào học lớp Tư do thầy Hậu (Ba của anh Nguyễn Độ) phụ trách, năm lớp Ba tôi học với thầy Trần Đức Thanh, lớp Nhì với thầy Nguyễn Văn Hương và lớp Nhất với thầy giảng Hoàng Hiệp Biện, sau này khi làm linh mục thì có tên khác là Hoàng Thái Ân. Rất tiếc là các vị ân sư của tôi ở ngôi trường thân yêu đã thành người thiên cổ. Tuy có tiếng là dân Mường Mán, nhưng tôi chỉ sống ở đó khoảng 4 năm (từ 1955 đến 1959). Sau khi được mảnh bằng tiểu học, tôi thi vào chủng viện được tiếp tục tu học ở Thủ đức, Chợ Lớn và Phú Nhuận. Tháng 11 năm 1965 tôi từ giả đời tu, ra đời tiếp tục ở lại Sài Gòn và tiếp tục chương trình lớp 11 và 12 tại trung học tư thực Trường Sơn của thầy Hiệu trưởng Nguyễn Sĩ Tế. Sau khi hoàn tất chương trình trung học, tôi ghi danh học Đại học Văn khoa, sau đó thi vào đại học Sư phạm. Tốt nghiệp vào tháng 6 năm 1971, tôi chọn về trường trung học công lập Phan Bội Châu tại thị xã Phan Thiết

và phục vụ ở đó đến ngày 2 tháng 4 năm 1975, vì cuộc chiến nên trường đóng cửa và bọn giáo chức chúng tôi trở nên “Vô lương mất dạy”. Đó là cụm từ mà các học sinh cũ tặng cho chúng tôi.

Mặc dầu không được dạy học sinh trong lớp cũng như không có lương, nhưng giáo chức chúng tôi vẫn phải tham gia công tác với các em học sinh trong chương trình “Làm đẹp thành phố” bằng cách ban ngày dọn rác, lau chùi các nơi công cộng, trồng hoa, còn đêm lại tập trung ở sân trường ca hát, đốt lửa trại “Ăn cơm nhà, vác gà voi” từ đầu tháng 5 đến ngày 27 tháng 8, năm 1975 tôi nhận được lệnh phải tập trung cải tạo. Sáng ngày 28, tôi được một du kích dẫn đến trung tâm cải tạo ở trong thành phố. Đến đó tôi thấy một ít người quen và một ít đồng nghiệp nhưng không chào hỏi và không nói với nhau lời nào vì không được phép và đang dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt của cán bộ trại. Sau khi hoàn tất thủ tục, toán chúng tôi được phân chia nhỏ và sát nhập vào các nhà đã có trại viên ở đó trước. Ở đó chúng tôi không được ra ngoài, cửa luôn khóa, chỉ có giờ ăn và học tập mới cho ra khỏi nhà. Trung bình mỗi nhà có khoảng 90 trại viên, nhưng sức chứa bình thường chỉ cho 40 người, vì thế chúng tôi phải nằm nghiêng mình mới có chỗ. Thỉnh thoảng phải đi lao động ở ngoài, đa số là trong thành phố. Vì diện của tôi là “giáo chức biệt phái” nên thời gian cải tạo không lâu. Sau một lần phải thăm vãn về thời gian làm việc cho “Mỹ ngụy” tôi được trả tự do. Trở về nguyên quán, tôi bị quản chế tại địa phương và cũng một thời gian ngắn được cho lại quyền công dân. Tôi lập gia đình và phải sinh hoạt vào Hợp tác xã. Mười sáu năm cầm viết, bốn năm cầm phấn, bây giờ cầm cây, tôi thật ngu ngơ, ấu trĩ, chẳng biết gì cả. Chính vì sự ngu ngơ đó, nên trong hợp tác xã, tôi được ông chủ nhiệm cho làm việc trong ban kế toán, làm nhiều nhưng chẳng được ăn bao nhiêu. Suốt một mùa lúa thu hoạch, vợ chồng tôi chỉ nhận được 120 kg lúa cho 12 tháng. Đời sống dờ khóc, dờ cười, tinh thần căng thẳng, vật chất đói khổ, biết tính sao bây giờ?

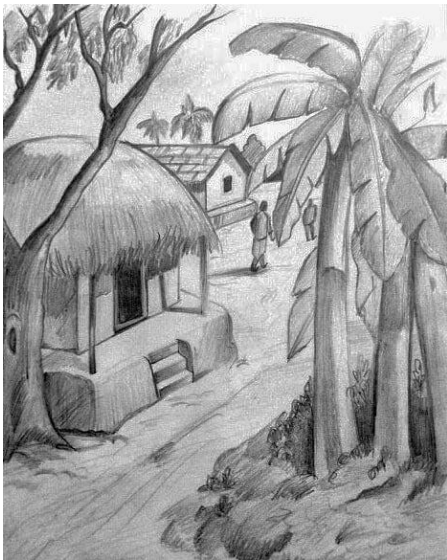
Phong trào vượt biên, vượt biển xảy ra hàng ngày. Trong quê tôi cũng có nhiều người quen biết đã âm thầm trốn thoát. Vợ chồng tôi cũng tìm mọi cách, nhưng rất khó lòng, vì Phan Thiết là chỗ dễ dàng cho những tổ chức vượt biển vì gần biển Lạc Đạo, bến Thương Chánh (Vinh Phú) Vinh Thủy, Long Hoa, Thanh Hải, Lầu Ông hoàng. Nhưng những địa điểm này rất trở ngại cho tôi, vì một số đồng học sinh những lớp 10, 11, 12 tôi phụ trách trước đây bây giờ gia nhập công an, du kích biên phòng. Vì lý do đó, gia đình tôi phải lần mò ra Nha Trang cùng với chị vợ lo chuyện vượt biển. Tôi đã thất bại 5 lần, mãi lần thứ 6 mới thoát khỏi. Chiếc ghe của chúng tôi có 38 người gồm đủ mọi lứa tuổi, nhỏ nhất là người con trai của tôi mới 5 tháng tuổi. Chiếc ghe rời cảng Cam Ranh khoảng 4 giờ sáng ngày 22 tháng 5 năm 1980. Đi được khoảng 3 ngày thì chiếc ghe hư máy, phải sửa chữa, nhưng cuối cùng cũng trở lại bình thường. Trên đường đi, chúng tôi gặp một chiếc tàu buôn lớn của Đan Mạch, họ không cứu vớt nhưng cho chúng tôi thức ăn và nước uống. Chúng tôi cũng gặp được một chiếc ghe trống mà những người trên ghe đã được cứu vớt. Chiếc ghe quá nhỏ, lênh đênh trên đại dương quá rộng lớn mênh mông, phần chết nhiều hơn sống, thất vọng nhiều hơn hy vọng, mọi người trên chiếc lá giữa đại dương bao la chỉ còn biết nguyện Chúa và niệm Phật, phó thác tất cả vào Đấng toàn năng.

Sau đúng một tuần lễ đùa với tử thần trên đại dương mênh mông, thì vào rạng sáng ngày 29 tháng 5 năm 1980 vào khoảng 3 giờ sáng chúng tôi thấy ánh sáng trên đất liền và một vài tàu lá dừa khô trôi lênh đênh gần con thuyền của chúng tôi. Một niềm hy vọng dâng trào trên khuôn mặt mọi người. Chiếc ghe của chúng tôi vẫn từ từ lướt sóng trong sự vui mừng khôn tả, quên hết mọi sự sợ hãi và thất vọng. Khoảng 8 giờ sáng, chiếc ghe của chúng tôi vào đến đất liền và được biết đây là đảo Lubang thuộc Philippines. Chúng tôi được lệnh ra khỏi ghe. Mọi người đều được các nhân viên y tế chích ngừa. Sau khi mọi thủ tục hoàn tất, chúng tôi được hướng dẫn đến tạm trú trong một nhà thờ

cũ của người Đức đã bỏ trống. Dân địa phương tiếp chúng tôi bữa ăn đầu tiên. Bữa ăn rất đơn sơ, nhưng vì một tuần lễ đói khát trên biển cả, nên rất ngon miệng và ăn rất nhiều, có em ăn quá nhiều nên bị bội thực. Ăn xong, mọi người già trẻ, lớn bé ngủ một giấc ngon lành cho đến bữa ăn tối chúng tôi được đánh thức dậy. Ôi không khí tự do, trong lành đang bao trùm chúng tôi. Người địa phương cho hay chiếc ghe chúng tôi là ghe thứ 67 đến đây từ Cam Ranh, Việt Nam. Ở đây là nơi tiếp nhận tạm thời, nên không có tổ chức, không ban lãnh đạo, mọi người sống tự giác. Các bữa ăn hằng ngày cũng được cấp phát chứ không phải nấu nướng. Nói chung không có sinh hoạt nào cả, chỉ ai lo phận nấy. Sống tạm đây được một tuần thì vào ngày 6 tháng 6 năm 1980, một chiếc tàu Hải quân đến từ đảo Tara đưa chúng tôi đến Palawan, một trung tâm tị nạn lớn ở Philippines. Đến đây tôi gặp lại một số người quen biết ở Việt Nam trước đây cũng như một ít bà con mà họ vượt biển trước chúng tôi đang chờ thanh lọc để được đi định cư ở nước thứ ba. Gia đình tôi được bà mẹ vợ bảo lãnh định cư tại Hoa kỳ. Đáng lẽ từ 4 đến 6 tháng gia đình tôi được đi định cư, nhưng vì hồ sơ trở ngại, phải chờ sự xác nhận từ người bảo lãnh, vì vậy nên phải lưu lại trại trên 11 tháng. Sau khi được cứu xét và chấp nhận, gia đình tôi phải di chuyển đến trung tâm Bataan để học ESL và CEO trước khi qua Mỹ. Sau gần 6 tháng hoàn tất mọi thủ tục tại Bataan, gia đình tôi được thuyền chuyển đến Manila chờ có chuyến bay sang Mỹ. Không nhớ rõ ngày khởi hành tại Manila, nhưng vào khoảng 10 giờ tối ngày 21 tháng 10 năm 1981 chuyến bay Philippines Airline hạ cánh xuống phi trường JFK ở New York. Ở đó một số bà con ruột thịt như chú thím, anh chị em đã chờ sẵn. Vui mừng, hớn hở vì sau một thời gian dài xa cách. Xong xuôi toàn thể chúng tôi di chuyển về trú ngụ trong căn nhà tại số 6 đường School. Một cuộc sống mới, một nơi chốn mới bắt đầu. Sau bữa ăn đoàn tụ, gia đình tôi được thu xếp một phòng ngủ đủ cho gia đình 4 người. Một giấc ngủ ngon lành sau quãng đường dài mệt mỏi. Sáng mai thức dậy, mọi sự đều khác lạ với chúng tôi. Loay hoay không biết làm gì thì

nhiều bà con, bạn bè đến chúc mừng, tíu tíu chuyện trò, thăm hỏi. Thế rồi ngày cứ ngày qua đi. Sau khi hoàn tất mọi thủ tục, đến mùa xuân năm 1982, tôi ghi danh học ESL tại trường Middlsex, vì ở Việt Nam, cấp trung học tôi chỉ học tiếng Pháp và Latinh, lên đại học thêm môn Hán văn, nên không có chút vốn liếng Anh văn nào cả. Ban ngày cấp sách đến trường, đêm về giúp việc cho một nhà hàng Mỹ để kiếm chút tiền còm mua sữa cho con. Mãi đến ngày 6 tháng 8 năm 1986 tôi mới xin vào làm tại một công ty của Mỹ. Vợ tôi đi làm sớm hơn, vào ngày 10 tháng 8 năm 1983 đã đi làm và mãi tới tháng 2 năm 2022 mới hưu trí.

Ở chung với gia đình một thời gian 6 năm. Sau khi cả hai vợ chồng cùng đi làm, dành dụm được một số tiền nhỏ, ngày 27 tháng 7 năm 1987 chúng tôi mua được căn nhà nhỏ và ở cùng một địa điểm cho đến hôm nay. Ngày 3 tháng 3 năm 2013, tôi bị tai nạn lao động phải giải phẫu 3 đốt xương sống vào ngày 16 tháng 8 năm 2013. Đã trên 11 năm, nhưng vẫn phải chịu tàn tật, đi lại khó khăn, sức khỏe cũng yếu dần. Vào trung tuần tháng 6 năm 2012, Công đoàn cũng cho nghỉ phục vụ sau 25 năm sinh hoạt với Cộng Đoàn Công giáo Metuchen. ■



Già Thì

*Già thì răng có lung lay,
Mắt mờ tai điếc, chân tay vụng về
Bước đi chậm chạp nặng nề,
Nói năng lẫn lộn, lạc đề không hay
Uống ăn nhớ đó quên đây...
Sáng chiều chẳng rõ, đêm ngày chẳng phân
Cháu con quên tuổi lớn tên,
Bạn bè, thân thuộc... lăm phiên điên đầu...
Đường đi bất cứ nơi đâu
Quên tên lạc nẻo... trước sau lộn ngầu...
Viết sách chữ nghĩa chạy đầu...!
Sai vắn, lạc điệu, lẫn đầu lộn đuôi...
Áo quần lếch thếch lòi thối,
Quên khuy quên nút... chao ôi là phiền!
Chưa điên mà cũng như điên,
Ung ương dở dở... làm phiền vợ con...
May mà trời đất vẫn còn thương,
Đêm ngày ngủ kỹ ăn ngon, yêu đời..
TRỜI THƯƠNG XIN TẠ ƠN TRỜI! ■*

Metuchen, NJ,
Thứ ba, tháng Mười 2006

Hoàng Chương

